

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc

2. Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2021/TLST-HNGĐ
ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 161/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Văn N, sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị B, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 26/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn là anh Dương Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị B kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban
nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 08/4/2019. Trong thời gian chung
sống, anh và chị B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng
không có tiếng nói chung. Nay, xét thấy hôn nhân giữa anh và chị B không thể hòa

hợp, không còn hạnh phúc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thị B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Huỳnh Thị B không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Huỳnh Thị B không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống anh và chị Huỳnh Thị B không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là chị Huỳnh Thị B được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà chị B không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của anh Dương Văn N. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ hai lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn là anh Dương Văn N có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn là chị Huỳnh Thị B vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được cũng như nghe ý kiến của chị B về yêu cầu ly hôn của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa anh Dương Văn N và chị Huỳnh Thị B là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là chị Huỳnh Thị B vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn N và chị Huỳnh Thị B tự nguyện tiến đến hôn nhân, căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau cấp ngày 08/4/2019 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo anh Dương Văn N trình bày thì trong thời gian chung sống anh và chị B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, ngày 27/5/2021 gia đình hai bên hợp và thống nhất để chị B về sống với bà ngoại và cha ruột của chị B (Biên bản họp gia đình ngày 27/5/2021), anh và chị B chính thức sống ly thân từ ngày 27/5/2021 cho đến nay; đối với chị Huỳnh Thị B, trong quá trình tố tụng chị B không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh N, như vậy chị B đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với anh N. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị B đã không còn, anh N cương quyết ly hôn, chị B không có thiện chí hàn gắn, cả hai đã thống nhất sống ly thân, bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều này cho thấy hôn nhân giữa anh N và chị B đã không còn hạnh phúc và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh N là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo trình bày của anh Dương Văn N thì trong thời gian chung sống anh và chị Huỳnh Thị B không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Theo trình bày của anh Dương Văn N thì trong thời gian chung sống anh và chị Huỳnh Thị B không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[6] Về nợ thu, nợ trả: Theo trình bày của anh Dương Văn N thì trong thời gian chung sống anh và chị Huỳnh Thị B không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn N. Anh Dương Văn N được ly hôn với chị Huỳnh Thị B.

2. Về con chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4. Về nợ thu, nợ trả: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Dương Văn N phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006403 ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Anh Dương Văn N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Huỳnh Thị B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền